

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương: 412

**CÔNG KHAI BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP NGÀY 03/6/2023**

(Kèm theo Quyết định số 414/QĐ-SNN ngày 23/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

**I. Căn cứ điều chỉnh:**

Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 10/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kinh phí cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chế độ, chính sách tính giảm biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

**II. Dự toán điều chỉnh và phân bổ như sau:**

<i>Đơn vị: đồng</i>				
STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị được phân bổ: Chi cục Kiểm lâm
A	B	I	2	3
A	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>
I	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>
1	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12)</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>	<b>230.188</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tính giảm biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.	230.188	230.188	230.188
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>			1091869
	<b>Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch</b>			KBNN Tuyên Quang 2461

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương: 412

## CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP ĐÃ CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024

### CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 413/QĐ-SNN ngày 23/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

#### I. Căn cứ điều chỉnh:

Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 1).

#### II. Dự toán điều chỉnh và phân bổ như sau:

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: đồng	
				Chi tiết đơn vị sử dụng	
				Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-152.860.700</b>	<b>-12.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-152.860.700</b>	<b>-12.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00502); Thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-164.860.700</b>	<b>-152.860.700</b>	<b>-12.000.000</b>
1.1	Tổ chức Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang (Vốn Ngân sách Trung ương)	-152.860.700	-152.860.700	-152.860.700	
1.2	Kinh phí kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình (Ngân sách Trung ương)	-12.000.000	-12.000.000		-12.000.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>			1042216	1072707
	<b>Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch</b>			KBNN Tuyên Quang 2461	KBNN Tuyên Quang 2461



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương: 412

**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP ĐÃ CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số 413/QĐ-SNN ngày 23/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

**I. Căn cứ điều chỉnh:**

Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024

**II. Dự toán điều chỉnh và phân bổ như sau:**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Chi tiết đơn vị sử dụng						
		Điều chỉnh giảm (-)				Điều chỉnh tăng (+)		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Chiêm Hóa	Chi cục Kiểm lâm		Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Chi cục Kiểm lâm
A	B	1	2	3	4	5	6	7
A	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>-572.543.500</b>	<b>-2.339.500</b>	<b>-204.000</b>	<b>-570.000.000</b>	<b>885.540.000</b>	<b>450.000.000</b>	<b>435.540.000</b>
I	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>-2.543.500</b>	<b>-2.339.500</b>	<b>-204.000</b>	<b>0</b>	<b>450.000.000</b>	<b>450.000.000</b>	<b>0</b>
1	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Loại: 280; khoản: 282; mã nguồn: 12) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị; Mã CTMT: 00513; Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>-2.543.500</b>	<b>-2.339.500</b>	<b>-204.000</b>	<b>0</b>	<b>450.000.000</b>	<b>450.000.000</b>	<b>0</b>
1.1	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>	<b>-2.543.500</b>	<b>-2.339.500</b>	<b>-204.000</b>	<b>0</b>	<b>450.000.000</b>	<b>450.000.000</b>	<b>0</b>
1.1.1	Kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	-2.543.500	-2.339.500	-204.000				
1.1.2	Kinh phí trợ cấp gạo					450.000.000	450.000.000	
II	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-570.000.000</b>			<b>-570.000.000</b>	<b>435.540.000</b>		<b>435.540.000</b>

STT	Nội dung	Chi tiết đơn vị sử dụng						
		Điều chỉnh giảm (-)				Điều chỉnh tăng (+)		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Chiêm Hóa	Chi cục Kiểm lâm		Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Chi cục Kiểm lâm
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00513); Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệt kê, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư, Vốn ngân sách trung ương	-570.000.000			-570.000.000			
a	Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị	-570.000.000			-570.000.000			
-	Kinh phí hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết, đào tạo kỹ thuật sản xuất	-100.000.000			-100.000.000			
-	Kinh phí hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Hỗ trợ mua máy móc trang thiết bị)	-400.000.000			-400.000.000			
-	Kinh phí hỗ trợ giống, khai thác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã	-65.000.000			-65.000.000			
-	Chi phí quản lý, nghiệm thu cơ sở	-5.000.000			-5.000.000			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Loại: 340; Khoản: 341; Mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00521); Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình; Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số ...; Vốn ngân sách trung ương					435.540.000		435.540.000
-	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.					435.540.000		435.540.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1132175	1132201	1091869		1132175	1091869
	Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch		KBNN Yên Sơn	KBNN Chiêm Hóa	KBNN Tuyên Quang		KBNN Yên Sơn	KBNN Tuyên Quang

STT	Nội dung	Chi tiết đơn vị sử dụng						
		Điều chỉnh giảm (-)				Điều chỉnh tăng (+)		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Chiêm Hóa	Chi cục Kiểm lâm		Ban Quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện Yên Sơn	Chi cục Kiểm lâm
A	B	1	2	3	4	5	6	7
			2466	2462	2461		2466	2461

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính  
Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
Chương: 412

**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP ĐÃ CHUYỂN NGUỒN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG  
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số 413/QĐ-SNN ngày 23/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)  
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp II)

**I. Căn cứ điều chỉnh:**

Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán vốn sự nghiệp để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

**II. Dự toán điều chỉnh và phân bổ như sau:**

STT	Nội dung	Tổng số	Đơn vị
			Chi tiết các đơn vị
A	B	I	2
	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH</b>	-	<b>12.860.000</b>
	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	-	<b>12.860.000</b>
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Loại: 280; khoản: 282; mã nguồn: 12; Mã CTMT: 00513) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân, thuộc Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	-	12.860.000
1.1	Kinh phí hỗ trợ trồng rừng sản xuất	-	12.860.000
	<b>Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch</b>		KBNN Hàm Yên 2463





ính

**NG SANG NĂM 2024**  
**NG ĐỒNG BÀO DÂN**

và PTNT)  
trên)

Tuyên Quang phê duyệt  
để trồng rừng, làm  
Đ-SNN ngày  
Chương trình mục tiêu  
tỉnh Tuyên Quang năm

**vị: đồng**

Đơn vị điều chỉnh	
<b>Chi cục Kiểm lâm (Điều chỉnh giảm)</b>	
3	
(12.860.000)	
(12.860.000)	
(12.860.000)	
(12.860.000)	
KBNN Tuyên Quang	
2461	